

Bản án số: 27/2026/HS-ST
Ngày 28 tháng 01 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Lành và ông Lê Văn Ninh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trịnh Văn Q**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23 tháng 7 năm 1982; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố H, phường L, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công Giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông: **Trịnh Văn K**, đã chết; Con bà: **Phạm Thị M**, đã chết; Gia đình có 07 anh chị em. Bị can là con thứ bảy; Vợ thứ nhất: **Bùi Thị Y**, đã ly hôn; Vợ thứ hai: **Phạm Ngọc Anh T**, đã ly hôn; Có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2021.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 122 ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đối với **Trịnh Văn Q** trong thời gian 13 tháng. Chấp hành xong ngày 31/7/2024

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 **Công an tỉnh T** (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 3/11/2025).

(Có mặt tại phiên tòa)

Người chứng kiến: Ông **Trần Đăng M1**, sinh năm 1958

Địa chỉ: **Tổ H, phường L, tỉnh Thái Nguyên** (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 ngày 03/11/2025, Tổ công tác của Công an phường L, tỉnh Thái Nguyên mời Trịnh Văn Q là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên (trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/12/2026) đến trụ sở để làm việc. Quá trình làm việc, Trịnh Văn Q khai nhận ngày 31/10/2025 đã sử dụng ma túy Heroine bằng hình thức chích vào cơ thể tại nhà riêng ở tổ dân phố H thuộc phường L, tỉnh Thái Nguyên. Công an phường L đã phối hợp với Trạm y tế Chùa Hang phường L tiến hành kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của Q bằng phương pháp lấy nước tiểu của Q và sử dụng que test nhanh, kết quả Trịnh Văn Q dương tính với chất ma túy: MOR (Morphin). Công an phường L, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành lập biên bản sự việc theo quy định.

Cùng ngày, Công an phường L, tỉnh Thái Nguyên thu mẫu nước tiểu của Q vào 01 chai nhựa niêm phong ký hiệu A gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 619 ngày 11/11/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Tìm thấy chất Morphin, MAM-6, MAM-3, là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Heroine trong mẫu nước tiểu của Trịnh Văn Q gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Văn Q khai nhận: Bản thân Q là người nghiện ma túy nhưng chưa bỏ được. Q biết mình đang thuộc diện Quản lý sau cai nghiện ma túy theo quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T (nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên) thời hạn 02 năm từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/12/2026, nhưng vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Sáng ngày 31/10/2025, Q đi đến khu vực gần cầu G thuộc phường L, tỉnh Thái Nguyên mua của 01 người không quen biết 01 gói ma túy heroine với giá 200.000 đồng. Mua xong, Q đi về nhà và sử dụng hết số ma túy trên bằng hình thức pha với nước và tự sử dụng kim tiêm chích trực tiếp vào tay trái của Q. Sau khi sử dụng, Q đã đốt hết các đồ vật liên quan gồm: 01 xi lanh, 01 mảnh giấy bọc ma túy. Đến 11 giờ 30 phút ngày 03/11/2025, Công an phường L, tỉnh Thái Nguyên tiến hành kiểm tra chất ma túy trong cơ thể Q bằng phương pháp test nhanh, kết quả Q dương tính với chất ma túy. Công an phường lập biên bản sự việc như nêu trên.

Lời khai nhận tội của Trịnh Văn Q phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của người chứng kiến, biên bản xác định hiện trường, quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, phiếu xét nghiệm nước tiểu, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: Xilanh, giấy màu trắng Q dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, hiện không thu hồi được.

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKSKV1, ngày 6/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Thái Nguyên truy tố Trịnh Văn Q về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác định Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thái Nguyên truy tố bị cáo là đúng người đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận: Giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trịnh Văn Q** từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của **Trịnh Văn Q** phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó có căn cứ xác định:

Sáng ngày 31/10/2025, tại **tổ dân phố H, phường L, tỉnh Thái Nguyên**, **Trịnh Văn Q** (là đối tượng đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của **Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T nay là phường L, tỉnh Thái Nguyên** (trong thời hạn 02 năm kể từ ngày 12/12/2024 đến ngày 12/12/2026) có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, loại ma túy sử dụng là Heroine bằng hình thức tiêm chích trực tiếp vào cơ thể. Đến 11 giờ 30 phút ngày 03/11/2025, **Q** bị **Công an phường L**, tỉnh Thái Nguyên tiến hành kiểm tra phát hiện và lập biên bản sự việc theo quy định.

Như vậy, hành vi nêu trên của **Trịnh Văn Q** đã phạm vào tội: “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a

Bộ luật Hình sự.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

a) ...

b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.”

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội do bị cáo thiếu lao động, tu dưỡng nên đã mắc nghiện ma túy, để phục vụ cho nhu cầu bản thân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

[4]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng“; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt HĐXX cần có có mức án nghiêm khắc để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính chất ngăn ngừa tội phạm nói chung và các tội phạm về ma túy nói riêng.

Xét mức hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thái Nguyên đề nghị khi luận tội là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng gì để đảm bảo thi hành do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Không có

[7]. Về án phí HSST: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQS14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: cần Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

[8]. Về thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9. Về nguồn gốc ma túy **Q** khai mua của một người không quen biết tại khu vực gần **cầu G, phường L, tỉnh Thái Nguyên**. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** không xác định được nhân thân lai lịch của người này nên không có cơ sở để làm rõ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự;

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trịnh Văn Q** phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn Q** 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2025 .

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQS14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Trịnh Văn Q** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Q** có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 1- Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

